TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM SÁCH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 02/12//2021
V/*v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH - HẢI DƯƠNG

- T**hành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Thu Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Quy; Bà Lê Thị Lan Phương.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên toà: Ông Phùng Văn Huấn - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện Nam Sách mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 122/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lưu Quang C, sinh năm 1988;

ĐKHKTT và chỗ ở: H, M, N, Hải Dương;

Vắng mặt phiên toà.

- Bị đơn: Chị Dương Thị P, sinh năm 1988;

ĐKHKTT: H. M, N, Hải Dương;

Hiện đang chấp hành án tại Phân trại 1 (K1) Trại giam H, C, Hải Dương;

Vắng mặt phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn anh Lưu Quang C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Dương Thị P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 13/11/2013 tại UBND xã N, huyện S, tỉnh Thanh Hoá. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng nhau ở H, M, N, Hải Dương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm, tính cách, chị P vay tiền của

nhiều người, anh không biết nên không ngăn cản được. Năm 2018 chị P có hành vi vi phạm pháp luật và bị Toà án nhân dân thành phố Hải Dương xử phạt 8 năm 6 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tháng 4/2019 chị P đi chấp hành án tại Phân trại 1 (K1) Trại giam H, C, Hải Dương. Do vợ chồng mâu thuẫn từ trước, không còn tình cảm nên từ khi chị P đi chấp hành án anh cũng không đến thăm gặp chị P. Đến nay anh xác định không còn tình cảm với chị P, sau này chị P có chấp hành án xong anh chị cũng không thể tiếp tục chung sống cùng nhau nên đề nghị Toà án giải quyết cho anh ly hôn với chị P.

Về con chung: Anh và chị P có 02 con chung là Lưu Bảo A, sinh ngày 07/7/2015 và Lưu Bảo S, sinh ngày 07/7/2015. Hiện nay các con chung đang ở với anh, anh xin được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với anh.

Về tài sản chung, nợ chung*:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản ghi lời khai bị đơn chị Dương Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Xác nhận lời trình bày của anh C về thời gian, điều kiện kết hôn là đúng. Quá trình chị và anh C chung sống đôi lúc có xẩy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế nhưng sau đó lại hòa thuận. Năm 2018 do chị có hành vi vi pháp luật nên bị Toà án nhân dân thành phố Hải Dương xử phạt 8 năm 6 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tháng 4/2019 chị đi chấp hành án tại Phân trại 1 (K1) Trại giam H, C, Hải Dương. Kể từ khi chị đi chấp hành án anh C không quan tâm, không đến thăm gặp chị. Nay anh C làm đơn xin ly hôn, chị đồng ý ly hôn vì xác định vợ chồng không còn tình cảm, sau này khi chị chấp hành án về cũng không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa.

Về con chung: Chị và anh C có 02 con chung là Lưu Bảo A, sinh ngày 07/7/2015 và Lưu Bảo S, sinh ngày 07/7/2015, hiện nay các con chung đang ở với anh C. Do chị đang phải chấp hành án không có điều kiện để trực tiếp nuôi con nên anh C xin được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con chị đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung*:* Chị và anh C sẽ tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau này nếu không thoả thuận được chị sẽ yêu cầu Toà án giải quyết sau.

Người làm chứng ông Lưu Văn T trình bày: Ông là bố đẻ của anh C. Sau khi anh C chị P kết hôn thì chung sống ở H, M, N, Hải Dương, vợ chồng anh C chung sống hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế. Chị P giấu chồng và gia đình vay tiền của nhiều người và làm nhiều việc không đúng, anh C và gia đình

không biết nên không khuyên bảo được chị P. Năm 2018 chị P bị Toà án nhân dân thành phố Hải Dương xử phạt 8 năm 6 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, sau đó đi chấp hành án tại Trại giam H, C, Hải Dương. Nay anh C làm đơn xin ly hôn chị P đề nghị Toà án giải quyết theo nguyện vọng của anh chị ấy. Về con chung: Vợ chồng anh C có hai con chung là Lưu Bảo A, Lưu Bảo S, hiện nay cả hai cháu đang ở với anh C và ở cùng vợ chồng ông. Thời gian anh C đi làm vợ chồng ông là người hỗ trợ anh C chăm sóc các cháu.

Theo biên bản xác minh tại UBND xã M, Trưởng thôn H, M: Anh C, chị P kết hôn từ năm 2013 và đã có hai con chung. Về mâu thuẫn của anh C, chị P chính quyền và đoàn thể tại địa phương không rõ vì không có ai đề nghị hòa giải mâu thuẫn, nhưng qua phản ánh của gia đình và người dân ở gần nói rằng vợ chồng anh C mâu thuẫn là do bất đồng trong làm ăn kinh tế. Năm 2018 chị P bị Toà án nhân dân thành phố Hải Dương xử phạt 8 năm 6 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, sau đó đi chấp hành án tại Trại giam H, C, Hải Dương.

Tại phiên toà sơ thẩm:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt. Tại đơn xin vắng mặt nguyên đơn trình bày giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách trình bày việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng: Đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết: Đề nghị HĐXX áp dụng: Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Xử cho anh C ly hôn chị P; Về con chung: giao cả 2 con chung là Lưu Bảo A, Lưu Bảo S cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chị P không phải cấp dưỡng nuôi con. Về án phí: Anh C phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn chị Dương Thị P đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn H, M, N, Hải Dương, hiện chị P đang chấp hành án tại Trại giam H, C, Hải Dương. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Nam Sách có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Lưu Quang C, bị đơn chị Dương Thị P được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và đều có đơn xin được

vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh C, chị P.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lưu Quang C, chị Dương Thị P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 13/11/2013 tại UBND xã N, huyện S, tỉnh Thanh Hoá là hôn nhân hợp pháp. Anh C, chị P trình bày quá trình vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế. Năm 2018 chị P bị Toà án nhân dân thành phố Hải Dương xử phạt 8 năm 6 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, sau đó đi chấp hành án tại Trại giam H, C, Hải Dương. Anh C xác định mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị P. Chị P xác định kể từ khi chị phải đi chấp hành án thì anh C không còn quan tâm đến chị, nay chị nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, sau này vợ chồng cũng không thể tiếp tục chung sống cùng nhau, anh C xin ly hôn chị đồng ý. Xét thấy lời khai của anh C, chị P về mâu thuẫn vợ chồng phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người làm chứng, xác minh tại thôn H, UBND xã M. Do đó có đủ cơ sở kết luận mâu thuẫn giữa anh C và chị P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử cho anh C ly hôn với chị P.

[2] Về quan hệ con chung: Anh C, chị P có 02 con chung là Lưu Bảo A, sinh ngày 07/7/2015 và Lưu Bảo S, sinh ngày 07/7/2015. Anh C xin được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con. Chị P nhất trí quan điểm của anh C. HĐXX thấy: hiện nay chị P đang phải chấp hành án phạt tù nên không có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung, anh C có đủ điều kiện đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con chung nên đề nghị của đương sự về nuôi con sau khi ly hôn là phù hợp. Do đó HĐXX chấp nhận yêu cầu của anh C giao 2 con chung là Lưu Bảo A, Lưu Bảo S cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác, chị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh C.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh C, chị P không yêu cầu giải quyết

[4] Về án phí: Anh C phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho anh Lưu Quang C ly hôn chị Dương Thị P.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Lưu Bảo A, sinh ngày 07/7/2015 và Lưu Bảo S, sinh ngày 07/7/2015 cho anh Lưu Quang C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị Dương Thị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh C không yêu cầu và có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

3. Án phí: Anh Lưu Quang C phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại Cơ quan thi hành án dân sự huyện Nam Sách theo biên lai số AA/2020/0003501 ngày 01 tháng 10 năm 2021.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Nam Sách;
- Đương sự;
- UBND xã N, S, Thanh Hoá;
- THA DS huyện Nam Sách;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Đoàn Thị Thu Thúy